**BỘ Y TẾ**

**DỰ THẢO**

**BẢNG KIỂM TRA Y TẾ DỰ PHÒNG**

**SỬ DỤNG CHO TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH/THÀNH PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BYT, ngày tháng năm 2018)*

Tên đơn vị…………………………………………………………………….

Địa chỉ:(đường phố, xã, phường, thị trấn)……………………………………

Quận/huyện/thị xã/thành phố…………………………………………………

Tỉnh/thành phố………………………………………………………………...

Hạng đơn vị (Hạng I,II,III,IV hoặc chưa xếp hạng)…………………………..

Số điện thoại cơ quan……………………………số Fax…………………….

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày tháng năm 20….***GIÁM ĐỐC** |

**A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH: 35 ĐIỂM**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra****(2)** | **Kết quả thực hiện****(3)** | **Điểm chuẩn****(4)** | **Điểm tự chấm****(5)** | **Điểm kiểm tra****(6)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị:**  | **7** |  |  |
| 1.1 | Đề án vị trí việc làm*(Kiểm tra Đề án vị trí việc làm của đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt)* | Xây dựng “Đề án vị trí việc làm” theo quy định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt | 2 |   |   |
| Không thực hiện | 0 |   |   |
| 1.2 | Quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các khoa, phòng thuộc Trung tâm*(Kiểm tra Quyết định thành lập Trung tâm của cấp có thẩm quyền)* | Thực hiện đúng Quyết định đã được phê duyệt | 1 |  |  |
| Thực hiện không đúng Quyết định đã được phê duyệt | 0 |  |  |
|
| 1.3 | Công tác quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động *(Kiểm tra kế hoạchtuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; Kế hoạch quy hoạch lãnh đạo Trung tâm và các khoa, phòng để tham mưu cho Sở Y tế theo quy định)* | Có xây dựng kế hoạch hằng năm và tham mưu cho Sở Y tế | 2 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
|
| 1.4 | Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ của công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý *(Kiểm tra kế hoạch, biên bản, sổ sách lưu về việc kiểm tra, đánh giá công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Luật công chức, Luật viên chức)* | Có kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của công chức, viên chức, người lao động hàng năm và thực hiện đầy đủ | 1 |  |  |
| Thực hiện không đầy đủ | 0,5 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| 1.5 | Đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm.*(Kiểm tra biên bản họp xét đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.* | Thực hiện đầy đủ theo các quy định hiện hành | 1 |  |  |
| Thực hiện không đầy đủ | 0,5 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| **2** | **Thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức và người lao động** | **2** |  |  |
| 2.1 | Thực hiện các quyền của công chức, viên chức, người lao động *(Kiểm tra hồ sơ, sổ sách lưu về việc thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách; tiền lương, tiền thưởng, các loại bảo hiểm, thi đua khen thưởng…. đúng theo quy định của pháp luật.)* | Thực hiện đầy đủ  | 2 |   |   |
| Thực hiện không đầy đủ | 0 |    |    |
|
| **3** | **Thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị** | **5** |  |  |
| 3.1 | Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm *(Kiểm tra sổ sách ghi chép, biên bản Hội nghị, nghị quyết… theo quy định hiện hành)* | Tổ chức Hội nghị theo quy định. | 2 |   |   |
| Tổ chức Hội nghị không theo quy định. | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| 3.2 | Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị *(Kiểm tra trực tiếp nội dung và hình thức thông báo đến cán bộ, viên chức của đơn vị)* | Có xây dựng nội quy, quy chế cơ quan và niêm yết công khai | 2 |  |  |
| Có xây dựng nội quy, quy chế cơ quan nhưng không niêm yết tại cơ quan | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| 3.3 | Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của cơ quan. *(Kiểm tra trực tiếp trên hồ sơ, sổ sách, văn bản của đơn vị)* | Được thông báo, phố biến đến các khoa, phòng và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ | 1 |  |  |
| Được thông báo, phố biến đến các khoa, phòng nhưng không đầy đủ | 0,5 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| **4** | **Công tác kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo** | **4** |  |  |
| 4.1 | Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch của đơn vị *(Kiểm tra Bản kế hoạch năm của đơn vị được Sở Y tế phê duyệt; Kế hoạch quí, tháng và kết quả thực hiện)* | Xây dựng kế hoạch khả thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện đầy đủ đảm bảo tiến độ. | 2 |  |  |
| Thực hiện đầy đủ nhưng chưa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra. | 1 |  |  |
| Thực hiện không theo kế hoạch | 0 |  |  |
| 4.2 | Công tác báo cáo *(Kiểm tra báo cáo định kỳ 3 tháng, 6 tháng và cả năm; báo cáo đột xuất của đơn vị “nếu có”).* | Thực hiện đầy đủ  | 2 |  |  |
| Thực hiện không đầy đủ | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| **5** | **Công tác quản lý kinh phí, vật tư, hóa chất, thuốc, trang thiết bị, phương tiện.** | **5** |  |  |
| 5.1 | Quản lý trang thiết bị làm việc trong cơ quan, đơn vị *(Kiểm tra văn bản quy định về sử dụng trang thiết bị phục vụ chuyên môn, danh mục và sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị, lý lịch máy, kế hoạch hiệu chuẩn, hiệu chỉnh máy móc, trang thiết bị)* | Có quy định và sổ sách liên quan đến quản lý, sử dụng trang thiết bị phục vụ chuyên môn, khai thác sử dụng, hiệu quả, tiết kiệm | 2 |   |   |
| Có quy định và sổ sách liên quan đến quản lý, sử dụng trang thiết bị nhưng không đầy đủ, khai thác sử dụng hiệu quả thấp | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| 5.2 | Quản lý tài chính *(Kiểm tra Dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt)* | Thực hiện đúng quy chế chi tiêu nội bộ; Sử dụng kinh phí đúng quy định hiện hành | 2 |  |  |
| Thực hiện không đúng quy chế chi tiêu nội bộ; sử dụng kinh phí không đúng quy định hiện hành. | 0 |  |  |
|
| 5.3 | Quản lý vật tư, thuốc, hóa chất, vắc xin.*(Kiểm tra sổ sách về việc tiếp nhận, quản lý, phân phối: vật tư, thuốc, hóa chất..;kiểm tra kho, các thiết bị bảo quản, việc thực hiện các quy định về bảo quản thuốc, hóa chất, vắc xin sinh phẩm y tế theo các quy định của Bộ Y tế và các quy định hiện hành khác)* | Xây dựng quy chế quản lý vật tư, thuốc, hóa chất, vắc xin và thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành | 1 |   |   |
| Thực hiện không đầy đủ các quy định | 0,5 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| **6** | **Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị văn phòng** | **4** |  |  |
| 6.1 | Công tác quản lý, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng của đơn vị *(Kiểm tra trực tiếp phòng làm việc, phòng xét nghiệm đảm bảo các quy định về an toàn sinh học của Bộ Y tế, nhà kho, khu vực dịch vụ: đảm bảo không bị thấm, dột, tường không bị bong tróc)* | Có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng hàng năm; 100% các phòng không bị thấm dột, tường không bị bong tróc, Phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học | 2 |   |   |
| Có kế hoạch bảo dưỡng cơ sở hạ tầng hàng năm;≥80% - <100% các phòng không bị thấm dột, tường không bị bong tróc, Phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học | 1 |  |  |
| Không đảm bảo các tiêu chí trên | 0 |   |   |
| 6.2 | Trang thiết bị văn phòng *(Kiểm tra các văn bản quy định về quản lý, sử dụng trang thiết bị văn phòng, kiểm tra cụ thể về trang thiết bị làm việc của cán bộ, viên chức theo các quy định của pháp luật)* | Có quy định về sử dụng trang thiết bị văn phòng; 100% cán bộ viên chức có đủ trang thiết bị làm việc theo yêu cầu công việc được giao | 2 |   |   |
| ≥90% - <100% cán bộ viên chức có đủ trang thiết bị làm việc theo yêu cầu công việc được giao | 1 |  |  |
| Không đảm bảo các điều kiện trên | 0 |  |  |
| **7** | **Công tác quản lý thông tin** | **2** |  |  |
| 7.1 | Hệ thống quản lý thông tin nội bộ *(kiểm tra các văn bản, quy định liên quan và hệ thống)* | Có quy trình quản lý thông tin nội bộ và triển khai thực hiện đầy đủ, đảm bảo quá trình thu thập, xử lý, truyền thông tin hiệu quả | 1 |   |   |
| Có quy trình quản lý thông tin nội bộ và triển khai thực hiện không đầy đủ, hiệu quả thấp | 0.5 |   |   |
| Không thực hiện | 0 |   |   |
| 7.2 | Hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu về chuyên môn nghiệp vụ *(kiểm tra các văn bản, quy định liên quan và hệ thống)* | Có hệ thống quản trị dữ liệu chuyên ngành, được vận hành thường xuyên  | 1 |  |  |
| Có hệ thống quản trị dữ liệu chuyên ngành, không vận hành thường xuyên | 0.5 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| **8** | **Công tác vệ sinh môi trường** | **2** |  |  |
|  | Quản lý chất thải y tế của đơn vị *(kiểm tra việc triển khai các văn bản pháp lý về việc thu gom, xử lý chất thải y tế của đơn vị hoặc các hợp đồng về thu gom, xử lý chất thải y tế “đối với các đơn vị không có hệ thống xử lý chất thải y tế” theo quy định hiện hành)* | Có kế hoạch quản lý chất thải y tế của đơn vị và thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành | 2 |  |  |
|  |  |  |  |
| Có thực hiện nhưng không đầy đủ các quy định hiện hành  | 1 |  |  |
|  Không thực hiện | 0 |  |  |
| **9** | **Công tác phòng cháy chữa cháy** | **2** |  |  |
|  | Kế hoạch phòng cháy chữa cháy của đơn vị *(Kiểm tra nội quy, quy định về phòng cháy chữa cháy của đơn vị; hồ sơ quản lý theo dõi hoạt động phòng cháy chữa cháy theo quy định của cơ quan Công an)* | Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành | 2 |  |  |
| Có thực hiện nhưng không đầy đủ các quy định hiện hành  | 1 |  |  |
|  Không thực hiện | 0 |  |  |
| **10** | **Nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học** | **2** |  |  |
|  | Nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến, áp dụng công nghệ mới*Kiểm tra: Quyết định phê duyệt đề cương đề tài NCKH hoặc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; Kết quả nghiệm thu NCKH hoặc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật* | Có đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu | 2 |  |  |
| Không có đề tài NCKH được nghiệm thu nhưng có báo cáo chuyên đề hoặc ứng dụng tiến bộ khoa học mới vào các hoạt động chuyên môn của đơn vị | 1 |  |  |
| Không có | 0 |  |  |
|  | **Tổng cộng**  |  | **35** |  |  |

**B. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN: 65 ĐIỂM**

*(Theo Thông tư số 26/2017/TT-BYT, ngày 26/6/2017)*

**I. Phòng chống bệnh truyền nhiễm: 8 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Kế hoạchnăm về hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt*Kiểm tra: Kế hoạch các hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm được phê duyệt; Các kế hoạch phòng chống dịch bệnh theo từng lĩnh vực riêng biệt* | 0,25 |  |  |
|  | Quản lý, điều phối các các hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn | 0,5 |  |  |
| Tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở Y tế và các đơn vị liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh*Kiểm tra:Văn bản chỉ đạo, công văn; Các hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật* | 0,25 |  |  |
| Tổ chức kiểm tra, giám sát các cơ sở Y tế và các cơ quan liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh*Kiểm tra: Phản hồi thông tin với các tuyến; Kế hoạch giám sát; Báo cáo giám sát hỗ trợ* | 0,25 |  |  |
|  | Thực hiện giám sát phát hiện ca bệnh truyền nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, véc tơ truyền bệnh, các yếu tố nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh. | 0,5 |  |  |
| Thực hiện trực dịch, chủ động giám sát ca bệnh tại các cơ sở điều trị*Kiểm tra: Lịch phân công trực dịch hàng tuần, kể cả ngày nghỉ và ngày lễ (kiểm tra trên hồ sơ giấy hoặc điện tử); Sổ trực dịch (ghi nhận, bàn giao, chữ ký); Báo cáo trực dịch qua email* | *0,2* |  |  |
| Thực hiện tổng hợp, phân tích số liệu giám sát, quản lý cơ sở dữ liệu bệnh truyền nhiễm*Kiểm tra: Báo cáo tình hình bệnh, dịch truyền nhiễm theo qui định tại Thông tư số 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 về Hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch truyền nhiễm* | *0,1* |  |  |
| Dự báo tình hình dịch bệnh và cung cấp, phản hồi thông tin bệnh truyền nhiễm*Kiểm tra: Biểu đồ theo dõi và dự báo các dịch bệnh; Công văn/email phản hồi kết quả xét nghiệm, tình hình dịch bệnh tại địa phương* | *0,2* |  |  |
|  | Quản lý, phát hiện và xử lý các ổ dịch lưu hành, ổ dịch mới theo đúng chuyên môn, quy định của Bộ Y tế.  | 0,5 |  |  |
| Các ổ dịch lưu hành/ổ dịch mới được, giám sát, theo dõi, quản lý và xử lý theo đúng qui định.*Kiểm tra: Báo cáo cập nhật tình hình giám sát và xử lý ca bệnh/ổ dịch mới theo qui định;Danh sách ca bệnh, phiếu điều tra; Báo cáo kết thúc ổ dịch* | *0,2* |  |  |
| Có Đội đáp ứng nhanh phòng chống dịch và đầy đủ vật tư, hóa chất, trang thiết bị để chống dịch*Kiểm tra: Quyết định thành lập đội cơ động phòng chống dịch; Danh sách thành viên đội cơ động; Lịch trực đội cơ động theo tình hình dịch, thời gian; Danh mục vật tư, hóa chất, trang thiết bị của đội cơ động* | *0,1* |  |  |
| Thực hiện khử trùng, diệt véc tơ, động vật truyền bệnh theo yêu cầu*Kiểm tra: Báo cáo xử lý ổ dịch, khử trùng, diệt véc tơ, động vật truyền bệnh* | *0,2* |  |  |
|  | Phối hợp với các ngành/đơn vị liên quan để chủ động phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm.  | 0,5 |  |  |
| Tham mưu cho UBND tỉnh, Sở Y tế ban hành kế hoạch phối hợp liên ngành trong phòng chống dịch bệnh *Kiểm tra:Kế hoạch phòng chống dịch bệnh trên người của Ban chỉ đạo tỉnh, của Sở Y tế; Kế hoạch phối hợp liên ngành giữa Y tế - Thú y; Quyết định phân công cán bộ đầu mối thực hiện trao đổi thông tin với ngành thú y;Báo cáo trường hợp bệnh/ổ dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người (nếu có) theo biểu mẫu Thông tư liên tịch số 16; Báo cáo bệnh lây truyền từ độngvật sang người theo tháng/quý/năm theo biểu mẫu Thông tư liên tịch số 16(nếu có)* | *0,25* |  |  |
| Phối hợp liên ngành Y tế với các ban ngành khác trong công tác phòng chống dịch bệnh (Chương trình cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh)*Kiểm tra: Kế hoạch phối hợp liên ngành; Báo cáo kết quả triển khai hoạt động* | *0,25* |  |  |
|  | Cung cấp thông tin truyền thông về phòng, chống bệnh truyền nhiễm cho Khoa Truyền thông - Giáo dục sức khỏe*Kiểm tra: Tin, bài cunng cấp cho Khoa Khoa Truyền thông - Giáo dục sức khỏe* | 0,5 |  |  |
|  | Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh truyền nhiễm cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn*Kiểm tra: Kế hoạch tập huấn; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả thực hiện* | 0,5 |  |  |
|  | Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch đề ra hằng năm theo kế hoạch đã được phê duyệt*Kiểm tra: Báo cáo tổng kết cuối năm đánh giá mục tiêu, chỉ tiêu đạt được so với kế hoạch* | 0,5 |  |  |
|  | Thực hiện thống kê, báo cáo tình hình bệnh dịch truyền nhiễm trên địa bàn theo quy định về Hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh dịch truyền nhiễm*Kiểm tra: Báo cáo tình hình bệnh, dịch truyền nhiễm theo qui định tại Thông tư số 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 về Hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch truyền nhiễm* | 0,5 |  |  |
|  | Thực hiện giám sát và đánh giá nguy cơ dịch bệnh sốt rét, lập biểu đồ, bản đồ về tình hình sốt rét của địa phương*Kiểm tra: Kết quả giám sát đánh giá nguy cơ dịch bệnh sốt rét của địa phương; Phân vùng sốt rét, biểu đồ theo dõi diến biến tỷ lệ tử vong, mắc sốt rét theo hàng tháng hay giai đoạn so với cùng kỳ năm trước.*  |  |  |  |
|  | Kế hoạch năm về hoạt động về tiêm chủng vắc xin phòng bệnh được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt*Kiểm tra: Kế hoạch TCMR hàng năm của đơn vị được phê duyệt; Các kế hoạch tiêm chủng theo chiến dịch* | 0,25 |  |  |
|  | Thực hiện tiêm chủng đầy đủ trên địa bàn theo quy định | 0,5 |  |  |
| Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ quy mô huyện trong toàn tỉnh > 95% trong năm*Báo cáo kết quả tiêm chủng trong năm* | 0,2 |  |  |
| Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm gan B 24h sau sinh qui mô huyện trong toàn tỉnh > 70% trong năm*Báo cáo kết quả tiêm chủng viêm gan B 24h sau sinh trong năm* | 0,1 |  |  |
| Không có thôn, bản, ấp trắng về tiêm chủng*Kiểm tra: Báo cáo kết quả tiêm chủng; Số thôn bản được tiêm chủng/Tổng số thôn bản* | 0,2 |  |  |
|  | Kiểm tra, giám sát các cơ sở và chỉ tiêu tiêm chủnghằng năm theo phân cấp | 0,5 |  |  |
| Các cơ sở tiêm chủng được kiểm tra, giám sát hằng năm theo phân cấp*Kiểm tra: Kế hoạch giám sát được phê duyệt; Báo cáo kết quả giám sát* | *0,2* |  |  |
| Đạt chỉ tiêu giám sát liệt mềm cấp >1/100.000 trẻ dưới 15 tuổi qui mô tỉnh trong năm*Kiểm tra: Báo cáo kết quả giám sát liệt mềm cấp năm* | *0,1* |  |  |
| Đạt chỉ tiêu giám sát sốt phát ban nghi sởi/bệnh sởi theo quy định trên địa bàn tỉnh trong năm*Kiểm tra: Báo cáo kết quả giám sát sốt phát ban nghi sởi/sởi trong năm* | *0,1* |  |  |
| Đạt chỉ tiêu giám sát chết sơ sinh/uốn ván sơ sinh theo quy định trên địa bàn tỉnh trong năm*Kiểm tra: Báo cáo kết quả giám sát chết sơ sinh/uốn ván sơ sinh trong năm*  | *0,1* |  |  |
|  | Chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở tiêm chủng, đảm bảo an toàn tiêm chủng, xử lý phản ứng sau tiêm chủng và đánh giá phản ứng sau tiêm theo quy định | 0,5 |  |  |
| Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở thực hiện công tác tiêm chủng trên địa bàn*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện* | *0,1* |  |  |
| Quản lý đầy đủ các địa điểm tiêm chủng vắc xin phòng bệnh trên địa bàn. Quản lý dữ liệu tiêm chủng đến qui mô xã/phường đầy đủ trong năm*Kiểm tra: Danh sách các điểm tiêm chủng vắc xin phòng bệnh trên địa bàn. Kiểm tra dữ liệu tiêm chủng trên hệ thống phần mềm* | *0,2* |  |  |
| Đảm bảo an toàn tiêm chủng, giám sát và xử lý các phản ứng sau tiêm chủng đầy đủ theo qui định*Kiểm tra: Có sổ theo dõi và báo cáo phản ứng sau tiêm chủng ghi chép đầy đủ và đúng quy định; Trường hợp tai biến sau tiêm chủng nặng phải lưu trữ hồ sơ: phiếu điều tra và biên bản hội đồng* | *0,2* |  |  |
|  | Cung cấp thông tin truyền thông về tiêm chủng vắc xin phòng bệnhcho Khoa Truyền thông - Giáo dục sức khỏe*Kiểm tra: Tin, bài cunng cấp cho Khoa Khoa Truyền thông - Giáo dục sức khỏe* | 0,5 |  |  |
|  | Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho các cán bộ làm công tác tiêm chủng trên địa bàn, các cơ sở tiêm chủng đủ điều kiện tiêm chủng theo quy định | 0,5 |  |  |
| Tập huấn về chuyên môn tiêm chủng hằng năm, 100% cơ sở tiêm chủng công bố đủ điều kiện tiêm chủng được hậu kiểm đủ điều kiệm tiêm chủng theo qui định.*Kiểm tra: Kế hoạch tập huấn, đào tạo; Tài liệu, chương trình tập huấn; Báo cáo tập huấn; Báo cáo hậu kiểm* | *0,25* |  |  |
| Cấp và gia hạn giấy chứng nhận tiêm chủng cho các đối tượng và cơ sở tiêm chủng được tập huấn*Kiểm tra: Quyết định, hồ sơ lưu, danh sách các đối tượng được cấp giấy chứng nhận* | *0,25* |  |  |
|  | Báo cáo tiêm chủng theo Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia*Kiểm tra: Báo cáo tiêm chủng theo Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia (Quyết địnhsố: 3421/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ Y tế)* | 0,5 |  |  |
|  | Tổng cộng | **8** |  |  |

**II. Phòng chống HIV/AIDS: 5 điểm**

| **TT** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm** | **Điểm chuẩn** | **Điểm tự chấm** | **Điểm kiểm tra** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **I** | **Lập kế hoạch, quản lý và điều phối chương trình** | **1** |  |  |
| 1 | Xây dựng kế hoạch hoạt động về phòng chống HIV/AIDS hằng năm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt | 0,25 |   |   |
| Mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch được xây dựng phù hợp với Chiến lược chương trình mục tiêu y tế - dân số của Bộ Y tế, phù hợp với hướng dẫn của cơ quan cấp trên |   |   |   |
| *Kiểm tra: Bản kế hoạch năm của năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.* |   |   |   |
| 2 | Quản lý, điều phối các các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn |   |   |   |
| 2,1 | Tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở Y tế và các đơn vị liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện các chương trình phòng chống HIV/AIDS | 0,25 |   |   |
| *Kiểm tra:Văn bản chỉ đạo, công văn; Các hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật* |   |   |   |
| 2,2 | Tổ chức kiểm tra, giám sát các cơ sở Y tế và các cơ quan liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện các các chương trình phòng chống HIV/AIDS | 0,25 |   |   |
| *Kiểm tra: Phản hồi thông tin với các tuyến; Kế hoạch giám sát; Báo cáo giám sát hỗ trợ* |   |   |   |
| 3 | Phân bổ ngân sách hàng năm theo đề án đảm bảo tài chính | 0,25 |   |   |
| *Kiểm tra: Đề án đảm bảo tài chính và ngân sách được phân bổ hàng năm so với nhu cầu trong đề án đảm bảo tài chính* |   |   |   |
| **II** | **Dự phòng lây nhiễm HIV** | **2,5** |  |  |
| 1 | - Kế hoạch truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS |   |   |   |
|  + Có kế hoạch  | 0,1 |   |   |
| - So sánh với chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị (đạt >80%) | 0,1 |   |   |
| - Có kế hoạch phối hợp cung cấp thông tin, truyền thông thay đổi hành vi, giảm hành vi nguy cơ và tác hại của HIV/AIDS; kế hoạch truyền thông, tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS | 0,1 |   |   |
| - So sánh với chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị (đạt >80%) | 0,1 |   |   |
| - Tài liệu truyền thông về Phòng, chống HIV/AIDS; Báo cáo kết quả hoạt động truyền thông vận động các cấp chính quyền, đoàn thể, cộng đồng và nhóm nồng cốt, toàn dân tham gia phong trào về phòng, chống HIV/AIDS  |   |   |   |
| + So sánh với chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị (đạt >80%) | 0,1 |   |   |
| 2 | Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone: |   |   |   |
| - So sánh với chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị (đạt >80%) | 0,1 |   |   |
| - So sánh với chỉ tiêu của Chính phủ giao cho địa phương (đạt >80%) | 0,1 |   |   |
| - Công tác chỉ đạo tuyến, giám sát hỗ trợ |   |   |   |
| + Có kế hoạch | 0,1 |   |   |
| + So sánh kết quả với kế hoạch (đạt >80%) | 0,1 |   |   |
| 3 | - Có kế hoạch triển khai dự phòng và điều trị nghiện các chất ma túy khác: | 0,1 |   |   |
| + Có kế hoạch |   |   |   |
| - So sánh với chỉ tiêu kế hoạch (đạt > 80%) | 0,1 |   |   |
| - Công tác chỉ đạo tuyến, giám sát hỗ trợ |   |   |   |
| + Có/Không có kế hoạch | 0,1 |   |   |
| + So sánh kết quả với kế hoạch (đạt >80%) | 0,1 |   |   |
| 4 | Kế hoạch triển khai triển khai chương trình cung cấp và hướng dẫn sử dụng bao cao su: |   |   |   |
| - Có kế hoạch  | 0,1 |   |   |
| - So sánh chỉ tiêu số người thuộc các nhóm nguy cơ cao được tiếp cận so với kế hoạch (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
| - So sánh tổng số bao cao su được phân phát qua các kênh so với kế hoạch (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
| - So sánh số lượng nhân viên tiếp cận cộng đồng được duy trì so với kế hoạch (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
| - Công tác chỉ đạo tuyến, giám sát hỗ trợ |   |   |   |
| + Có/Không có kế hoạch | 0,1 |   |   |
| + So sánh kết quả với kế hoạch (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
| 5 | Kế hoạch triển khai triển khai chương trình cung cấp và hướng dẫn sử dụng bơm kim tiêm sạch: |   |   |   |
| - Có kế hoạch  | 0,1 |   |   |
| - So sánh chỉ tiêu số người thuộc các nhóm nguy cơ cao được tiếp cận so với kế hoạch (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
| - So sánh tổng số bơm kim tiêm được phân phát qua các kênh so với kế hoạch (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
| - So sánh số lượng nhân viên tiếp cận cộng đồng được duy trì so với kế hoạch (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
| - Công tác chỉ đạo tuyến, giám sát hỗ trợ |   |   |   |
| + Có kế hoạch | 0,1 |   |   |
| + So sánh kết quả với kế hoạch (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
| **III** | **Chương trình chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV/AIDS** | **2,5** |  |  |
| 1 | Kế hoạch triển khai công tác điều trị ARV và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo: |   |   |   |
| - Có kế hoạch  | 0,2 |   |   |
| - So sánh số bệnh nhân được điều trị ARV so với chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị (đạt>90%) | 0,1 |   |   |
| - Công tác chỉ đạo tuyến, giám sát hỗ trợ |   |   |   |
| + Có kế hoạch | 0,1 |   |   |
| + So sánh kết quả với kế hoạch (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
| 2 | - Kế hoạch triển khai công tác điều trị đồng nhiễm lao/HIV và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo: |   |   |   |
| + Có kế hoạch  | 0,2 |   |   |
| - So sánh số bệnh nhân được điều trị với chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị (đạt>90%) | 0,1 |   |   |
| - Công tác chỉ đạo tuyến, giám sát hỗ trợ: |   |   |   |
| + Có kế hoạch | 0,1 |   |   |
| + So sánh kết quả với kế hoạch (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
| 3 | - Kế hoạch triển khai công tác điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo: |   |   |   |
| + Có kế hoạch  | 0,2 |   |   |
| - So sánh số bà mẹ điều trị dự phòng so với chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị (phải đạt 100%) | 0,1 |   |   |
| - So sánh số trẻ em sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV được điều trị dự phòng so với chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị (phải đạt 100%) | 0,1 |   |   |
| - Công tác chỉ đạo tuyến, giám sát hỗ trợ |   |   |   |
| + Có/Không có kế hoạch | 0,1 |   |   |
| + So sánh kết quả với kế hoạch (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
| 4 | - Kế hoạch triển khai xét nghiệm tải lượng vi rút và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo: |   |   |   |
| + Có kế hoạch  | 0,1 |   |   |
| - So sánh số bệnh nhân đang điều trị ARV được xét nghiệm tải lượng vi rút (phải >*90%)*  | 0,1 |   |   |
| - Công tác chỉ đạo tuyến, giám sát hỗ trợ |   |   |   |
| + Có kế hoạch | 0,1 |   |   |
| + So sánh kết quả với kế hoạch (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
| 5 | - Kế hoạch triển khai chăm sóc tại cộng đồng, cấp phát thuốc ARV tại trạm y tế xã và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo: |   |   |   |
| + Có kế hoạch  | 0,1 |   |   |
| - So sánh số bệnh nhân được chăm sóc tại cộng đồng (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
|  - So sánh số bệnh nhân được cấp thuốc ARV tại trạm y tế xã (đạt>90%) | 0,1 |   |   |
| - Công tác chỉ đạo tuyến, giám sát hỗ trợ |   |   |   |
| + Có/Không có kế hoạch | 0,1 |   |   |
| + So sánh kết quả với kế hoạch (đạt>80%) | 0,1 |   |   |
| **IV** | **Giám sát, theo dõi, đánh giá và xét nghiệm HIV** | **2,5** |  |  |
| 1 | - Kế hoạch thực hiện báo cáo chương trình phòng chống HIV/AIDS và giám sát dịch tễ học HIV theo quy định *tại Thông tư số 03/2015/TT-BYT* và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo: |   |   |   |
| + Có kế hoạch | 0,2 |   |   |
| - Có báo cáo theo quy định  | 0,2 |   |   |
| - Có áp dụng báo cáo trực tuyến đến tất cả các quận, huyện | 0,2 |   |   |
| - Có báo cáo phân tích tình hình dịch HIV/AIDS định kỳ tại địa phương | 0,1 |   |   |
| 2 | - Kế hoạch triển khai tư vấn xét nghiệm HIV và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo: |   |   |   |
| + Có kế hoạch  | 0,1 |   |   |
| - So sánh chỉ tiêu tư vấn xét nghiệm HIV với chỉ tiêu kế hoạch (đạt>80%) | 0,2 |   |   |
| 3 | Thực hiện báo cáo giám sát giám sát phát hiện, bao gồm: |   |   |   |
| - Có thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 09/2012/TT-BYT (bắt buộc thực hiện) | 0,1 |   |   |
| - Có triển khai phần mềm HIV info trong quản lý người nhiễm HIV theo quy định tại Thông tư số 09/2012/TT-BYT (bắt buộc thực hiện) | 0,2 |   |   |
| - So sánh tỷ lệ % số người được quản lý tại cộng đồng với tổng số người được phát hiện nhiễm HIV trong năm (đạt>90%) | 0,2 |   |   |
| 4 | - Kế hoạch triển khai tư vấn xét nghiệm HIV và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo: |   |   |   |
| + Có kế hoạch | 0,1 |   |   |
| - So sánh với chỉ tiêu về thực hiện chỉ đạo tuyến (tuyến tỉnh, huyện, xã) với kế hoạch (đạt>90%) | 0,2 |   |   |
| - So sánh chỉ tiêu thực hiện công tác xét nghiệm HIV tại đơn vị với kế hoạch (đạt>90%) | 0,2 |   |   |
| 5 | - Kế hoạch triển khai giám sát trọng điểm HIV và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo: |   |   |   |
| + Có kế hoạch | 0,1 |   |   |
| - So sánh với chỉ tiêu cỡ mẫu của Bộ Y tế giao (yêu cầu phải đạt 100% chỉ tiêu cỡ mẫu) | 0,2 |   |   |
| - Có báo cáo kết quả giám sát trọng điểm HIV theo quy định | 0,2 |   |   |
| **V** | **Nghiên cứu khoa học, tập huấn, nâng cao năng lực cán bộ của lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS** | **1,5** |  |  |
| 1 | - Kế hoạch đào tạo, tập huấn và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo: |   |   |   |
| + Có kế hoạch | 0,2 |   |   |
| - So sánh chỉ tiêu đào tạo với kế hoạch (đạt>80%) | 0,3 |   |   |
| 2 | Nghiên cứu, tham gia nghiên cứu khoa học hoặc ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật liên quan về phòng chống HIV/AIDS. (Có/không thực hiện) | 0,5 |   |   |
| *Kiểm tra: Quyết định phê duyệt đề cương đề tài NCKH hoặc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; Kết quả nghiệm thu NCKH hoặc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật* |   |   |   |
| 3 | - Kế hoạch kiểm tra giám sát, hỗ trợ kỹ thuật định kỳ và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo: |   |   |   |
| + Có kế hoạch | 0,2 |   |   |
| - So sánh kế hoạch kiểm tra giám sát, hỗ trợ kỹ thuật định kỳ hàng năm của đơn vị (đạt>80%) | 0,3 |   |   |
|   | **Tổng cộng** | **10** |   |   |

**III. Kiểm soát bệnh không lây nhiễm: 5 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Kế hoạch năm về hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt*Kiểm tra: Bản kế hoạch kiểm soát BKLN theo chức năng nhiệm vụ được Sở Y tế giao và được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt, đề cập đến: Phòng chống hút thuốc lá, uống rượu bia, dinh dưỡng không hợp lý, thiếu hoạt động thể lực; Phát hiện, tư vấn, quản lý điều trị tăng huyết áp, đái tháo đường, ung thư, COPD; Giám sát tử vong, giám sát bệnh, yếu tố nguy cơ….(nếu có trong chức năng nhiệm vụ được giao).* | 0,5 |  |  |
|  | Chỉ đạo/hướng dẫn/điều phối triển khai các hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn tỉnh về: Phòng chống yếu tố nguy cơ (dinh dưỡng không hợp lý, thiếu hoạt động thể lực, hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia); Phát hiện sớm, tư vấn dự phòng, quản lý điều trị và Giám sát BKLN*Kiểm tra: Các văn bản chỉ đạo/hướng dẫn triển khai hoạt động phòng chống YTNC, Phát hiện sớm, tư vấn dự phòng BKLN, Quản lý điều trị BKLN, Giám sát BKLN* | 0,5 |  |  |
|  | Giám sát việc triển khai hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn tỉnh*Kiểm tra: Kế hoạch giám sát triển khai hoạt động phòng chống BKLN; Báo cáo kết quả giám sát* | 0,5 |  |  |
|  | Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tuyến huyện, xã về kiểm soát BKLN*Kiểm tra: Kế hoạch đào tạo, tập huấn; Tài liệu đào tạo, tập huấn; Báo cáo kết quả đào tạo, tập huấn(QĐ số 3756/QĐ-BYT ngày 21/6/2018 về việc hướng dẫn hoạt động dự phòng, phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm phổ biến cho tuyến y tế cơ sở)* | 1 |  |  |
|  | Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng và vận động chính sách để tăng cường công tác dự phòng, chẩn đoán, điều trị và quản lý các bệnh không lây nhiễm phổ biến tại tuyến y tế cơ sở*Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động/Cơ chế phối hợp liên ngành; Báo cáo hoạt động; Kế hoạch truyền thông; Tài liệu truyền thông (nội dung phù hợp với các vận động chính sách)* | 0,5 |  |  |
|  | Chỉ đạo, hỗ trợ kỹ thuật tuyến dưới thực hiện các dịch vụ về phát hiện sớm, tư vấn, quản lý điều trị BKLN tại cộng đồng*Kiểm tra: Công tác chỉ đạo tuyến về dự phòng, chẩn đoán, điều trị và quản lý các bệnh không lây nhiễm phổ biến tại tuyến y tế cơ sở; kế hoạch giám sát hỗ trợ kỹ thuật và báo cáo giám sát* | 0,5 |  |  |
|  | Phối hợp với các khoa/phòng có liên quan của Trung tâm sàng lọc cơ hội nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu tiền bệnh, mắc BKLN trong các đợt khám sức khoẻ học sinh, người lao động*Kiểm tra: Kế hoạch sàng lọc/phát hiện sớm BKLN, tiền bệnh trong các đợt khám sức khoẻ do đơn vị thực hiện; Báo cáo kết quả triển khai hoạt động* | 0,5 |  |  |
|  | Đầu mối kiểm tra, giám sát, quản lý số liệu, thống kê báo cáo về các hoạt động dự phòng, chẩn đoán, điều trị và quản lý các bệnh không lây nhiễm phổ biến trên địa bàn*Kiểm tra: Báo cáo số liệu và phân tích nguyên nhân tử vong (theo ICD 10) của toàn tỉnh/thành phố; Bảng theo dõi việc gửi (cho tuyến trung ương) và nhận báo cáo tử vong (từ tuyến huyện) được cập nhật; Cơ sở dữ liệu tử vong được cập nhật định kỳ; Báo cáo tổng hợp về thực trạng về BKLN trên địa bàn tỉnh* | 0,5 |  |  |
|  | Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hàng năm về phòng, chống BKLN của địa phương*Kiểm tra: Báo cáo thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu so với kế hoạch* | 0,5 |  |  |
| *Thực hiện ≥ 80% chỉ tiêu kế hoạch* | *0,5* |  |  |
| *Thực hiện < 80% chỉ tiêu kế hoạch* | *0,25* |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **5** |  |  |

**IV. Dinh dưỡng: 4 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Kế hoạchnăm về hoạt động dinh dưỡng được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt *Kiểm tra: Kế hoạch cáchoạt động dinh dưỡng được phê duyệt* | 0,5 |  |  |
|  | Chỉ đạo triển khai các hoạt động về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo* | 0,5 |  |  |
|  | Phối hợp liên ngành/đơn vị liên quan để chủ động triển khai các hoạt động về dinh dưỡng- Chiến dịch Phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng (ngày vi chất dinh dưỡng, tổ chức uống vitamin A, sử dụng muối iot..) và Tuần lễ dinh dưỡng phát triển hàng năm - Triển khai các hoạt động dinh dưỡng cộng đồng, an ninh thực phẩm, các mô hình về dinh dưỡng*Kiểm tra: Có văn bản chỉ đạo, kế hoạch phối hợp hoạt động liên ngành; Có báo cáo hoạt động (theo nhiệm vụ được Sở Y tế giao)* | 0,5 |  |  |
|  | Triển khai hệ thống giám sát dinh dưỡng, điều tra tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và các vấn đề dinh dưỡng đặc biệt khác cho các đối tượng trên địa bàn- Giám sát tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em- Giám sát tình trạng thừa cân béo phì ở học sinh và các đối tượng khác (nếu được Sở Y tế giao)- Giám sát về tiêu thụ thực phẩm (bao gồm cả tiêu thụ muối, rau quả, rượu bia ...) và các mối nguy về an toàn thực phẩm (điều tra 30 cụm)*Kiểm tra: Có công văn chỉ đạo; Có kế hoạch, nội dung triển khai; Có báo cáo kết quả giám sát* | 0,5 |  |  |
|  | Thực hiện đánh giá và theo dõi, xử trí về tình trạng dinh dưỡng khẩn cấp của trẻ em và bà mẹ có thai và các đối tượng nguy cơ cao tại những nơi bị thiên tai, thảm họa và dịch bệnh (nếu có)*Kiểm tra: Công văn chỉ đạo; Biên bản giám sát; Kế hoạch, nội dung triển khai; Báo cáo kết quả theo dõi, xử trí* | 0,25 |  |  |
|  | Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ dinh dưỡng ở tuyến cơ sở*Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động, công văn/giấy mời; Nội dung đào tạo tập huấn; Báo cáo kết quả đào tao, tập huấn* | 0,5 |  |  |
|  | Cung cấp thông tin truyền thông, giáo dục sức khỏe về dinh dưỡng và phối hợp với Khoa Truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông dinh dưỡng (Có KH và văn bản chỉ đạo triển khai Tuần lễ DD&PT; Tuyên truyền phổ biến 10 lời khuyên dinh dưỡng hợp lý; Tháp Dinh dưỡng cho các lứa tuổi; Có báo cáo hoạt động lên tuyến trên theo quy định)*Kiểm tra: Kế hoạch phối hợp; Nội dung truyền thông kèm theo; Báo cáo hoạt động* | 0,25 |  |  |
|  | Hoàn thành được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về dinh dưỡng của địa phương đã đề ra*Kiểm tra: Có báo cáo đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra hàng năm* | 0,5 |  |  |
| Giảm suy dinh dưỡng trẻ em*Kiểm tra đạt so với chỉ tiêu được giao* | *0,1* |  |  |
| Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ < 5 tuổi (cân nặng/tuổi) đạt so với kế hoạch được giao*Kiểm tra: Báo cáo kết quả* | *0,1* |  |  |
| Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ <5 tuổi (chiều cao/tuổi) đạt so với kế hoạch được giao*Kiểm tra: Báo cáo kết quả* | *0,1* |  |  |
| Kiểm soát thừa cân béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm*Kiểm tra: lập kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả* | *0,1* |  |  |
| Triển khai phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng: chương trình Vitamin A, tẩy giun, ngày vi chất dinh dưỡng*Kiểm tra: Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả* | *0,1* |  |  |
|  | Thực hiện thống kê báo cáo hoạt động về dinh dưỡng theo quy định *Kiểm tra: Mẫu biểu báo cáo theo quy định* | 0,5 |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **4** |  |  |

**IV. Sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp: 8 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Kế hoạchnăm về hoạt động về sức khỏe môi trường được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt*Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động về sức khỏe môi trường được phê duyệt.* | 0,2 |  |  |
|  | Kiểm tra, giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt của các cơ sở cấp nước tập trung trên địa bàn theo phân cấp quản lý*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo về giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt theo phân cấp quản lý; Danh sách các cơ sở cấp nước tập trung trên địa bàn được quản lý; Danh sách các cơ sở cấp nước được kiểm tra, giám sát về chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt trong năm; Biên bản kiểm tra, giám sát; Báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra, giám sátđánh giá vệ sinh nguồn nước ăn uống, sinh hoạt tại cơ sở cấp nước và hộ gia đình theo quy định; Biên bản kiểm tra giám sát chất lượng nước trong sự cố kỹ thuật và thiên tai (các báo định kỳ theo quy đinh và báo cáo đột xuất nếu có).* | 0,5 |  |  |
|  | Chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát tuyến dưới triển khai việc giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo/tài liệu hướng dẫn tuyến dưới triển khai việc giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; Báo cáo tình hình sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh trên địa bàn. Trong đó nêu rõ các kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu* | 0,5 |  |  |
|  | Kiểm tra, giám sát hoặc tham gia kiểm tra, giám sát việc quan trắc môi trường của các bệnh viện và các cơ sở y tế khác trên địa bàn; Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, quan trắc môi trường y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn (Theo nhiệm vụ được Sở Y tế giao)*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo về công tác quản lý chất thải y tế và phân cấp quản lý các CSYT trên địa bàn; Danh sách quản lý các CSYT trên địa bàn, các CSYT được kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, các CSYT có thực hiện quan trắc môi trường; Văn bản hướng dẫn các CSYT thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, quan trắc môi trường y tế; Công tác tập huấn; Biên bản kiểm tra, giám sát các CSYT về công tác quản lý chất thải y tế và thực hiện các quy định về BVMT; Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát và hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, QTMTYT cho các CSYT trên địa bàn* | 0,5 |  |  |
|  | Giám sát vệ sinh môi trường tại khu vực có nguy cơ ô nhiễm như: Khu vực lễ hội, bến tàu, bến xe, khu vực nguy cơ ngập lụt, ổ dịch liên quan vệ sinh môi trường v.v*Kiểm tra: Danh sách các vùng/khu vực, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; Danh sách các vùng/khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề do ô nhiễm môi trường, do thiên tai; Báo cáo/dữ liệu/thông tin theo dõi, giám sát tại các vùng có nguy cơ về tình hình sức khỏe và tình trạng môi trường.* | 0,5 |  |  |
| *Xác định và phân vùng các khu vực, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường* | *0,2* |  |  |
| *Xác định và phân vùng các khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề do ô nhiễm môi trường, do thiên tai* | *0,2* |  |  |
| *Giám sát và đánh giá các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe người dân tại các vùng có nguy cơ ô nhiễm môi trường, các vùng chịu ảnh hưởng nặng nề do thiên tai* | *0,1* |  |  |
|  | Tham gia điều tra, hướng dẫn xử lý và báo cáo kịp thời theo quy định về các sự cố sức khỏe môi trường (thiên tai, thảm họa,...)*Kiểm tra: Phương án ứng phó đối với các sự cố sức khỏe môi trường có thể xảy ra; Văn bản/Tài liệu hướng dẫn xử trí khi có sự cố sức khỏe môi trường (thiên tai, thảm họa,...); Báo cáo về tình hình xảy ra các sự cố môi trường trên địa bàn; Nếu có sự cố môi trường: Công văn phối hợp liên ngành; Biên bản điều tra, giám sát những khu vực xảy ra sự cố môi trường; Báo cáo kết quả xử lý sự cố.* | 0,3 |  |  |
|  |
|  | Phối hợp với khoa KSBTN Tham mưu chỉ đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường khi có dịch bệnh hoặc tại các vùng nguy cơ, thiên tai, thảm họa....*Kiểm tra: Kế hoạch và văn bản chỉ đạo thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, dịch bệnh tại vùng có nguy cơ hoặc vùng có thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; Báo cáo kết quả thực hiện* | 0,2 |  |  |
|  | Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về lĩnh vực sức khỏe môi trường cho tuyến dưới*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tuyến dưới hoặc tài liệu hướng dẫn; Công tác tập huấn: Công văn/Giấy mời kèm kế hoạch/chương trình tập huấn, Tài liệu tập huấn* | 0,2 |  |  |
|  |
|  | Cung cấp thông tin truyền thông về vệ sinh, sức khỏe môi trường, phòng chống các yếu tố nguy cơ môi trường tác động lên sức khỏe cộng đồng cho Khoa Truyền thông giáo dục sức khỏe*Kiểm tra: Nội dung tin, bài truyền thông đã cung cấp cho Khoa Truyền thông giáo dục sức khỏe* | 0,2 |  |  |
|  | Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe môi trường của địa phương (theo nhiệm vụ của Sở Y tế giao)*Kiểm tra: Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các hoạt động về sức khỏe môi trường của Trun tâm. Trong đó có các số liệu liên quan đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe môi trường của địa phương.* | 0,2 |  |  |
|  | Thực hiện thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe môi trường theo quy định*Kiểm tra: Hồ sơ, sổ sách, số liệu thống kê, báo cáo về công tác sức khỏe môi trường theo quy định hiện hành.* | 0,2 |  |  |
|  | Xây dựng kế hoạch hoạt động về sức khỏe trường học hằng năm*Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động về sức khỏe trường học hằng năm được phê duyệt.* | 0,2 |  |  |
|  | Tham mưu cho Sở Y tế phối hợp với ngành giáo dục để chỉ đạo tổ chức các hoạt động về y tế trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT*Kiểm tra: Công văn, kế hoạch hoạt động phối hợp liên ngành; Báo cáo kết quả hoạt động phối hợp liên ngành.* | 0,3 |  |  |
|  | Phối hợp với các khoa liên quan giám sát dịch bệnh trong trường học, tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe, bệnh tật ở lứa tuổi học đường, quản lý tình trạng sức khỏe học sinh trên địa bàn*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo tuyến dưới thực hiện theo kế hoạch; Tài liệu hướng dẫn chuyên môn; Danh sách các đơn vị đã được hướng dẫn, hỗ trợ; Báo cáo tổng hợp về kết quả công tác hỗ trợ, giám sát.* | 0,2 |  |  |
|  | Kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục theo phân cấp, chỉ đạo hướng dẫn các trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã thực hiện việc giám sát điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục.*Kiểm tra: Các báo cáo, biên bản kiểm tra của trung tâm về điểu kiện vệ sinh tại các trường quản lý; Văn bản chỉ đạo tuyến dưới thực hiện kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh trường học; Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh trường học.* | 0,2 |  |  |
|  | Tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về y tế trường học cho cán bộ làm công tác y tế trường học và đối tượng liên quan trên địa bàn*Kiểm tra: Công văn/Giấy mời kèm kế hoạch, chương trình tập huấn; Nội dung, tài liệu tập huấn* | 0,2 |  |  |
|  | Phối hợp với các cơ quan quản lý giáo dục, truyền thông trên địa bàn để chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, tư vấn sức khỏe cho học sinh, giáo viên, cha mẹ hoặc người giám hộ về phòng chống dịch bệnh, bệnh tật lứa tuổi học đường*Kiểm tra: Công văn, kế hoạch phối hợp truyền thông; Nội dung/tài liệu truyền thông; Báo cáo kết quả phối hợp triển khai trong công tác tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe.* | 0,2 |  |  |
|  | Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe trường học của địa phương*Kiểm tra: Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các hoạt động về sức khỏe trường học của địa phương. Trong đó có đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe trường học của địa phương* | 0,2 |  |  |
|  | Thực hiện thống kê, báo cáo về công tác y tế trường học theo quy định*Kiểm tra: Hồ sơ, sổ sách, số liệu, báo cáo minh chứng Trung tâm đã thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, lưu trữ về công tác sức khỏe trường học theo quy định hiện hành* | 0,2 |  |  |
|  | Kế hoạch cả năm về hoạt động sức khỏe nghề nghiệp được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt*Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động sức khỏe nghề nghiệp hằng năm được phê duyệt* | 0,2 |  |  |
|  | Quản lý về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại gây nguy cơ sức khoẻ nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, tình hình tai nạn lao động của các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo; Danh sách các cơ sở sản xuất và cơ sở y tế chia theo địa bàn, thông tin về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, số vụ tai nạn lao động, đánh giá mức độ nguy cơ về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động.* | 0,3 |  |  |
|  | Kiểm tra, giám sát việc quan trắc định kỳ môi trường lao động, điều kiện lao động tại các cơ sở sử dụng lao động có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động theo quy định; đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện, môi trường lao động*Kiểm tra: Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, quan trắc môi trường lao động, điều kiện lao động của các cơ sở sử dụng lao động có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động, thống kê cụ thể tổng số mẫu đo, số mẫu đạt và không đạt TC..., các khuyến nghị (có thể lồng ghép trong các báo cáo thực hiện công tác ATVSLĐ hằng năm); Danh sách các cơ sở sử dụng lao động có thực hiện quan trắc môi trường lao động. Trong đó có thông tin về quy mô hoạt động, việc lập hồ sơ vệ sinh lao động, đơn vị lập hồ sơ, có/không đánh giá mức độ nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của công việc qua các chỉ số về Vệ sinh lao động, tâm sinh lý lao động và ecgônômi* | 0,3 |  |  |
|  | Tham gia điều tra, xử lý các sự cố, vụ nhiễm độc, tai nạn lao động chết người xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động (khi có yêu cầu của các cơ quan liên quan)*Kiểm tra: Báo cáo tình hình sự cố, nhiễm độc và tai nạn lao động xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động (có thể lồng ghép trong báo cáo về công tác ATVSLĐ hằng năm; báo cáo kết quả hoạt động hưởng ứng tháng ATVSLĐ và PCCN)* | 0,3 |  |  |
|  | Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, phát hiện nguy cơ sức khỏe, bệnh tật (bệnh nghề nghiệp, bệnh KLN…). Triển khai các hoạt động phòng bệnh cho người lao động. Hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong việc theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động. Tham gia khám giám định bệnh nghề nghiệp cho người lao động*Kiểm tra: Công văn/văn bản chỉ đạo, phối hợp; Tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong triển khai các hoạt động phòng bệnh cho người lao động, theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động; Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện công tác CSSK NLĐ**+ Tổng số người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến và số người nhóm này được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp.**+ Tổng số người lao động có nghi ngờ mắc bệnh nghề nghiệp, bệnh KLN… và số lượng người đã được chẩn đoán xác định, giám định bệnh nghề nghiệp.**+ Số cơ sở sử dụng lao động có hồ sơ quản lý sức khỏe người lao động.* | 0,3 |  |  |
|  | Phối hợp với ngành lao động thương binh xã hội quản lý, theo dõi việc thực hiện các chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe, điều trị và phục hồi chức năng lao động cho người lao động đã được xác nhận bị bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động trên địa bàn theo quy định*Kiểm tra: Báo cáo/Thông tin về tình hình thực hiện chế độ cho người lao động bị BNN, tai nạn lao động; Danh sách người lao động đã xác nhận bị bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động trên địa bàn được cập nhật hằng năm theo quy định.* | 0,3 |  |  |
|  | Chỉ đạo, tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục sức khỏe về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh tật, bệnh nghề nghiệp và phòng chống tai nạn thương tích trên địa bàn*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo thực hiện các hoạt động truyền thông về y tế lao động; phòng chống bệnh nghề nghiệp; phòng chống tai nạn thương tích và xây dựng cộng đồng an toàn; Nội dung/tài liệu truyền thông; Báo cáo kết quả hoạt động thông tin, truyền thông* | 0,3 |  |  |
|  | Tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng công tác trong lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp và các đối tượng liên quan trên địa bàn*Kiểm tra: Công văn/giấy mời; Chương trình tập huấn; Danh sách học viên, giảng viên; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả tập huấn* | 0,3 |  |  |
|  | Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe nghề nghiệp của địa phương*Kiểm tra: Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các hoạt động về sức khỏe nghề nghiệp của Trung tâm. Trong đó có đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe nghề nghiệp của địa phương* | 0,3 |  |  |
|  | Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về sức khỏe nghề nghiệp, tai nạn thương tích theo quy định*Kiểm tra: Hồ sơ, sổ sách, số liệu, báo cáo minh chứng Trung tâm đã thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, lưu trữ về công tác sức khỏe nghề nghiệp theo quy định hiện hành.* | 0,2 |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **8** |  |  |

**VI. Sức khỏe sinh sản: 5 điểm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| 1 | Kế hoạch năm về chăm sóc sức khỏe sinh sản hằng được Lãnh đạo đơn vị phê duyệtMục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch được xây dựng phù hợp với Chiến lược chương trình mục tiêu y tế - dân số của Bộ Y tế.*Kiểm tra: Bản kế hoạchnăm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.* | 0,5 |  |  |
| 2 | Tổ chức thực hiện các hoạt động về chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng bao gồm: Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, sức khoẻ bà mẹ; Chăm sóc sức khoẻ trẻ sơ sinh và trẻ em; Chăm sóc sức khoẻ sinh sản vị thành niên, thanh niên; Chăm sóc sức khoẻ sinh sản nam giới và người cao tuổi; Dịch vụ kế hoạch hoá gia đình và phá thai an toàn; Phòng chống nhiễm khuẩn và ung thư đường sinh sản; Dự phòng, điều trị vô sinh*Kiểm tra: Các văn bản chỉ đạo về hoạt động về chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng; Kế hoạch triển khai các hoạt động cụ thể; Kế hoạch phối hợp với phòng khám đa khoa, chuyên khoa để thực hiện cung cấp các dịch vụ; Bao cáo kết quả (Kiểm tra nhiệm vụ được Sở Y tế giao)* | 2 |  |  |
| Các văn bản chỉ đạo vể hoạt động CSSKSS tại cộng đồng | *0,5* |  |  |
| Kế hoạch triển khai các hoạt động | *0,5* |  |  |
| Kế hoạch phối hợp với phòng khám đa khoa | *0,5* |  |  |
| Báo cáo kế quả | *0,5* |  |  |
| 3 | Kiểm tra, giám sát, việc thực hiện các hoạt động về sức khỏe sinh sản trên địa bàn*Kiểm tra: Kế hoạch kiểm tra, giám sát; Các văn bản chỉ đạo, tài liệu hướng dẫn giám sát theo quy định của Bộ Y tế; Hỗ trợ về chuyên môn kỹ thuật cho tuyến dưới; Báo cáo kết quả giám sát* | 0,5 |  |  |
| 4 | Phối hợp cung cấp thông tin, truyền thông, giáo dục sức khoẻ về chăm sóc sức khỏe sinh sản*Kiểm tra: Kế hoạch liên ngành triển khai hoạt động truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản; Các tài liệu liên quan đến hoạt động truyền thông như: bài tuyên truyền, tờ rơi, áp phích, sách, ấn phẩm…* | 0,5 |  |  |
| 5 | Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ về lĩnh vực sức khỏe sinh sản*Kiểm tra: Công văn/giấy mời; Chương trình tập huấn; Danh sách học viên, giảng viên; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả đào tạo tập huấn* | 0,5 |  |  |
| 6 | Thẩm định tử vong mẹ*Kiểm tra: Thực hiện thẩm định 100% ca TVM theo quy định và gửi báo cáo đúng hạn về Hội đồng thẩm định TVM Trung ương* | 0,5 |  |  |
| 7 | Thực hiện thống kê báo cáo các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản theo quy định*Kiểm tra: Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định* | 0,5 |  |  |
|  |  **Tổng cộng** | **5** |  |  |

**VII. Truyền thông, giáo dục sức khỏe: 5 điểm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| 1 | Kế hoạch cả năm về truyền thông giáo dục sức khỏe được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt*Kiểm tra: Bản kế hoạch năm được phê duyệt.* | 0,5 |  |  |
| 2 | Đầu mối tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe (truyền thông thay đổi hành vi; truyền thông nguy cơ khi có các vấn đề khẩn cấp về y tế công cộng, khủng hoảng thông tin; truyền thông vận động; giáo dục sức khỏe...)*Kiểm tra: Kế hoạch triển khai hoạt động truyền thông; Nội dung, tài liệu truyền thông; Báo cáo kết quả triển khai các hoạt động* | 0,5 |  |  |
| 3 | Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động truyền thông tuyến dưới*Kiểm tra: Kế hoạch kiểm tra, giám sát; Biên bản kiểm tra giám sát; Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát.* | 0,5 |  |  |
| 5 | Cung cấp thông tin, xây dựng các thông điệp truyền thông và phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị, xã hội tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và nâng cao sức khoẻ nhân dân*Kiểm tra: Kế hoạch phối hợp về thông tin truyền thông với cơ quan truyền thông đại chúng; Tư liêu, tài liệu cung cấp thông tin cung cấp cho các cơ quan truyền thông; Báo cáo kết quả* | 1 |  |  |
| 6 | Xây dựng các tài liệu, sản phẩm truyền thông để cung cấp cho các cơ quan, đơn vị, các tuyến, người dân, cộng đồng*Kiểm tra: Các tài liệu, sản phẩm truyền thông... được xây dựng cung cấp; Website được xây, dựng vận hành (có giấy phép hoạt động, quyết định ban biên tập...)* | 0,5 |  |  |
| 7 | Kế hoạch phối hợp với các Khoa liên quan tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, tổ chức các sự kiện liên quan đến chăm sóc sức khỏe.*Kiểm tra: Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả* | 0,5 |  |  |
| 8 | Tập huấn, Hội thảo nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ về lĩnh vực truyền thông giáo dục sức khỏe cho tuyến y tế cơ sở*Kiểm tra: Công văn/giấy mời; Chương trình tập huấn; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả đào tạo tập huấn* | 0,5 |  |  |
| 9 | Thực hiện thống kê báo cáo các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khoẻ, nâng cao sức khoẻ nhân dân theo quy định*Kiểm tra: Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định* | 0,5 |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **5** |  |  |

**VIII. Ký sinh trùng - Côn trùng: 3 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Kế hoạchnăm về hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt*Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động về phòng chống các bệnh ký sinh trùng và côn trùng được phê duyệt* | 0,25 |  |  |
|  | Chỉ đạo triển khai các hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng*Kiểm tra: Các văn bản chỉ đạo về phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng* | 0,5 |  |  |
|  | Quản lý, điều tra, giám sát ổ dịch các bệnh ký sinh trùng, côn trùng*Kiểm tra: Báo cáo kết quả quản lý, điều tra, giám sát các ổ dịch các bệnh ký sinh trùng, côn trùng*. | 0,5 |  |  |
|  | Triển khai các biện pháp phòng chống véc tơ, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng tại các vùng nguy cơ cao theo quy định*Kiểm tra: Báo cáo kết quả điều trịcác bệnh ký sinh trùng khác (giun sán), bệnh do côn trùng truyền; Kết quả triển khai các biện pháp phòng chống ký sinh trùng, côn trùng (tẩm màn, phun hóa chất, uống thuốc tẩy giun...)* | 0,5 |  |  |
|  | Thực hiện giám sát côn trùng, vật chủ trung gian truyền bệnh, yếu tố nguy cơ phát sinh dịch bệnh*Kiểm tra: Có quyết định phân công cán bộ/nhóm thực hiện nhiệm vụ về côn trùng và động vật y học; Các báo cáo giám sát, phòng chống véc tơ vật chủ trung gian truyền bệnh* | 0,25 |  |  |
|  | Cung cấp thông tin truyền thông, giáo dục sức khỏe về công tác phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn*Kiểm tra: Nội dung tin, bài cung cấp cho Khoa Truyền thông giáo dục sức khỏe* | 0,25 |  |  |
|  | Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn*Kiểm tra: Công văn/giấy mời; Chương trình tập huấn; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả tập huấn* | 0,25 |  |  |
|  | Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng của địa phương*Kiểm tra: Báo cáo kết quả và phân tích các mục tiêu, chỉ tiêu đạt và không đạt so với kế hoạch đề ra hàng năm, nêu rõ lý do và đề xuất khắc phục cho năm tiếp theo* | 0,25 |  |  |
|  | Thực hiện tổng hợp, thống kê, báo cáo về công tác phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn theo quy định*Kiểm tra: Báo cáo minh chứng tổng hợp, thống kê, báo cáo về công tác phòng chống các bệnh ký sinh trùng trên địa bàn theo quy định* | 0,25 |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **3** |  |  |

**IX: Kiểm dịch y tế: 3 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Kế hoạch cả năm về công tác kiểm dịch y tế biên giới được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt*Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động kiểm dịch y tế biên giới hàng năm được phê duyệt* | 0,5 |  |  |
|  | Tổ chức kiểm tra y tế, giám sát thường xuyên các bệnh truyền nhiễm và các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng theo quy định của pháp luật tại khu vực các cửa khẩu*Kiểm tra: Báo cáo kết quả thực hiện của các cửa khẩu/cảng/sân bay theo từng lĩnh vực; Sổ sách biểu mẫu theo dõi hàng ngày; Báo cáo kết qủa giám sát véc tơ/ vật chủ trung gian truyền bệnh* | 0,5 |  |  |
| * Người xuất, nhập cảnh, quá cảnh
 | *0,1* |  |  |
| * Phương tiện vận tải xuất, nhập cảnh, quá cảnh
 | *0,1* |  |  |
| * Hàng hoá xuất, nhập khẩu, quá cảnh theo quy định phải kiểm tra
 | *0,1* |  |  |
| * Giám sát môi trường, vật chủ trung gian và véc tơ truyền bệnh tại khu vực cửa khẩu
 | *0,1* |  |  |
| * Các đối tượng khác (nếu có) thi thể, hài cốt, tro cốt, mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người
 | *0,1* |  |  |
|  | Thực hiện xử lý và cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng kiểm dịch y tế theo quy định; cấp giấy chứng nhận tiêm chủng (nếu được Sở Y tế giao nhiệm vụ)*Kiểm tra: Báo cáo kết quả thực hiện của các cửa khẩu/cảng/sân bay theo từng lĩnh vực; Danh sách các đối tượng được xử lý và cấp giấy chứng nhận* | 0,8 |  |  |
| * Thực hiện cách ly y tế với các những người nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm
 | *0,2* |  |  |
| * Phương tiện vận tải xuất, nhập cảnh, quá cảnh
 | *0,2* |  |  |
| * Hàng hoá xuất nhập, khẩu, quá cảnh
 | *0,2* |  |  |
| * Các đối tượng khác (nếu có): thi thể, hài cốt, tro cốt, mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người
 | *0,2* |  |  |
|  | Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở cung ứng thực phẩm, đồ uống, nước sinh hoạt trong khu vực cửa khẩu*Kiểm tra: Báo cáo kiểm tra giám sát; Danh sách các đơn vị được kiểm tra giám sát* | 0,2 |  |  |
|  | Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về lĩnh vực kiểm dịch y tế tại cửa khẩu*Kiểm tra: Báo cáo kết qủa hoạt động công tác truyền thông tại khu vực cửa khẩu về phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm tại các cửa khẩu/cảng/sân bay; Các văn bản, công văn, kế hoạch, chương trình phối hợp truyền thông; Tài liệu truyền thông* | 0,25 |  |  |
|  | Thực hiện việc cung cấp thông tin về các đối tượng kiểm dịch y tế cho các đơn vị liên quan để quản lý và giám sát dịch bệnh.*Kiểm tra: Báo cáo thông tin về đối tượng kiểm dịch, giám sát dịch bệnh* | 0,25 |  |  |
|  | Thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hàng năm về công tác kiểm dịch y tế*Kiểm tra: Báo cáo mục tiêu, chỉ tiêu đề ra so với kế hoạch.* | 0,25 |  |  |
|  | Thực hiện thống kê, báo cáo về các hoạt động kiểm dịch theo quy định*Kiểm tra: Sử dụng các phần mềm quản lý đối tượng, giám sát, theo dõi, thống kê báo cáo…* | 0,25 |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **3** |  |  |

**X. Dược - vật tư y tế: 3 điểm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
|  | Kế hoạch năm về dược và vật tư y tế được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt*Kiểm tra: Bản kế hoạch năm được phê duyệt.* | 0,5 |  |  |
|  | Tiếp nhận, bảo quản, cung ứng đầy đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị, vật tư..... phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo quy định*Kiểm tra: Quy trình tiếp nhận, bảo quản, cung ứng trang thiết bị, vật tư... được lãnh đạo phê duyệt; thẻ kho, sổ theo dõi nhiệt độ, độ ẩm (có hiệu chuẩn); Hệ thống dây truyền lạnh đảm bảo theo quy định; Kho phải có khu biệt trữ, khu chờ hủy đối với thuốc hết hạn và chờ hủy; Thuốc MMT: sổ có phơi vàng, có biên ban bỏ liều, hư hao dư thừa,...* | 1 |  |  |
|  | Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động về cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị, vật tư, phương tiện… phục vụ cho hoạt động chuyên môn của đơn vị và trên địa bàn phụ trách*Kiểm tra: Kế hoạch kiểm tra, biên bản kiểm kê kiểm nhật; Báo cáo kết quả kiểm tra* | 0,5 |  |  |
|  | Kiểm tra chất lượng thuốc *Kiểm tra: Quy trình kiểm soát, quy trình xử lý thuốc không đạt, hạn sử dụng* | 0,5 |  |  |
|  | Báo cáo về dược và vật tư y tế hằng năm theo quy định*Kiểm tra: Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định* | 0,5 |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **3** |  |  |

**XI. Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng: 7 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Thực hiện lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm đúng quy trình*Kiểm tra: Quy trình lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm; Sổ quản lý mẫu bệnh phẩm* | 1 |  |  |
|  | Thực hiện được trên 80% các kỹ thuật xét nghiệm bắt buộc (theo Phụ lục 1.1) *Kiểm tra: Quy trình chuẩn thực hiện các xét nghiệm của Trung tâm ban hành và phê duyệt; Cán bộ thực hiện xét nghiệm có chứng nhận được đào tạo kỹ thuật xét nghiệm; Sổ quản lý mẫu và kết quả xét nghiệm của khoa xét nghiệm được cập nhật(hoặc kiểm tra trên phần mềm quản lý); Hóa chất sinh phẩm tương ứng và còn hạn sử dụng; Hồ sơ trang thiết bị* | 1 |  |  |
|  | Thực hiện được trên 50% các kỹ thuật xét nghiệm tự chọn (theo Phụ lục 1.2) và có *Kiểm tra: Quy trình chuẩn thực hiện các xét nghiệm của Trung tâm ban hành và phê duyệt; Cán bộ thực hiện xét nghiệm có chứng nhận được đào tạo kỹ thuật xét nghiệm; Sổ quản lý mẫu và kết quả xét nghiệm của khoa xét nghiệm được cập nhật(hoặc kiểm tra trên phần mềm quản lý); Hóa chất sinh phẩm tương ứng và còn hạn sử dụng; Hồ sơ trang thiết bị* | 1 |  |  |
|  | Tham gia giám sát, đánh giá về an toàn sinh học tại các cơ sở xét nghiệm trên địa bàn tỉnh (nếu có) *Kiểm tra: Quyết định thành lập đoàn đánh giá ATSH của tỉnh; Cán bộ tham gia đánh giá có chứng nhận được đào tạo về ATSH và đào tạo về đánh giá PXN ATSH; Báo cáo kết quả đánh giá an toàn sinh học các cơ sở xét nghiệm; Báo cáo tổng kết các cơ sở xét nghiệm được giám sát ATSH* | 0.5 |  |  |
|  | Hướng dẫn, tập huấn cho các cơ sở y tế về quy trình lấy mẫu, bảo quản vận chuyển bệnh phẩm và các kỹ thuật xét nghiệm *Kiểm tra: Kế hoạch tập huấn/giám sát/hướng dẫn; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả các lớp tập huấn và hoạt động tập huấn đào tạo* | 0.5 |  |  |
|  | Các phòng xét nghiệm tự công bố an toàn sinh học theo quy định*Kiểm tra: Hồ sơ công bố phòng xét nghiệm đạt ATSH theo qui định; Hồ sơ giám sát, kiểm tra, đánh giá ATSH của phòng thí nghiệm* | 1 |  |  |
|  | Các phòng Xquang được thực hiện đảm bảo an toàn bức xạ theo qui định*Kiểm tra: Qui định an toàn bức xạ; Qui trình xử lý sự cố được ban hành; Giấy chứng nhận đảm bảo an toàn bức xạ của tổ chức có thẩm quyền, Kỹ thuật viên có chứng chỉ đào tạo và đào tạo lại của cấp có thẩm quyền* |  |  |  |
|  | Các phòng xét nghiệm lý-hóa học được thực hiện đảm bảo an toàn lý-hóa học theo qui định*Kiểm tra: Qui định an toàn lý-hóa; Qui trình xử lý sự cố được ban hành; Các phương tiện bảo hộ lao động tương ứng sẵn có và đầy đủ (kính, khẩu trang, găng tay…); Các thiết bị giật nước khẩn cấp, rửa mắt, dung dịch kiềm loãng có sẵn ở các vị trí thuận tiện; Có hệ thống thu gom xử lý nước thải phòng lý-hóa hoặc qui định về thu gom và xử lý tại chỗ chất thải lòng (nếu chưa có hệ thống xử lý); Số tủ hút tương ứng với các phòng XN lý-hóa* | 1 |  |  |
|  | Phòng xét nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 17025 đối với một số xét nghiệm bắt buộc về kiểm tra chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt, thực phẩm*Kiểm tra: Quyết định công nhận của Văn phòng công nhận chất lượng kèm danh mục các phép thử được công nhận* | 0,5 |  |  |
|  | Phòng xét nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 15189 hoặc theo Thông tư số 01/2013/TT-BYT ngày 11/01/2013 về hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng xét nghiệm tại các cơ sở khám chữa bệnh*Kiểm tra: Quyết định công nhận của Văn phòng công nhận chất lượng; Các quy trình xét nghiệm và quy trình sử dụng trang thiết bị; Các hồ sơ (Nhân sự, Quản lý trang thiết bị và định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị xét nghiệm, Theo dõi và kiểm tra chất lượng môi trường, sinh phẩm, hóa chất và vật tư tiêu hao); Báo cáo kết quả thực hiện nội kiểm; Bản đăng ký và kết quả tham gia chương trình Ngoại kiểm (nếu sẵn có); Bảng kiểm/báo cáo giám sát điều kiện môi trường xét nghiệm; Quy trình khắc phục sự cố/sai sót xảy ra trong PXN* | 0,5 |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **7** |  |  |

**XII. Phòng khám đa khoa, chuyên khoa: 4 điểm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| 1 | Kế hoạch hoạt động năm của phòng khám đa khoa, chuyên khoa được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt*Kiểm tra: Bản kế hoạch hoạt động năm được duyệt* | 0,5 |  |  |
| 2 | Tổ chức cung cấp dịch vụ:*Kiểm tra: Các quy trình kỹ thuật; nội quy, quy chế thực hiện dịch vụ cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của từng lĩnh vực và các quy định của nhà nước có liên quan; Các sổ sách, hồ sơ quản lý, theo dõi và báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ; Các kết quả thanh kiểm tra; Lưu trữ hồ sơ, sổ sách theo quy định* | 3,5 |  |  |
| Sử dụng vắc xin, sinh phẩm phòng bệnh theo yêu cầu. | *0,5* |  |  |
| Khám sàng lọc, phát hiện bệnh và điều trị dự phòng theo quy định | *0,5* |  |  |
| Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng các bệnh không lây nhiễm | *0,5* |  |  |
| Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng bệnh liên quan đến nghề nghiệp | *0,5* |  |  |
| Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng bệnh học đường và bệnh liên quan đến lứa tuổi | *0,25* |  |  |
| Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng các bệnh liên quan đến dinh dưỡng | *0,25* |  |  |
| Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng các bệnh xã hội | *0,25* |  |  |
| * Khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone/Bubronophine
* Khám và điều trị người nhiễm HIV
* Khám, dự phòng và điều trị nghiện các chất ma túy khác
* Tư vấn, xét nghiệm HIV
* Xét nghiệm chẩn đoán HIV/AIDS (bao gồm: xét nghiệm huyết thanh học, CD4, đo tải lượng vi rút, chẩn đoán sớm cho trẻ em)
* Điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV
* Điều trị đồng nhiễm lao/HIV
* Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con
 | *0,5* |  |  |
| Các dịch vụ y tế dự phòng khác (xét nghiệm, khám sức khỏe…) | *0,25* |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **4** |  |  |

***Ghi chú: Đề nghị có thêm điểm cộng hoặc điểm thưởng***

 *- Điểm chuyên môn của đơn vị được tính theo chức năng nhiệm vụ được Sở Y tế giao.*

*Ví dụ: Đơn vị không được giao nhiệm vụ Kiểm dịch y tế thì điểm chuyên môn là: 65 điểm – 3 điểm = 62 điểm.*

 *- Chấm điểm chuyên môn theo bảng điểm trên căn cứ vào hồ sơ, báo cáo lưu về các hoạt động và không cho điểm trung gian, nếu tiêu chí nào không thực hiện thì không cho điểm*

 *- Kết quả chấm điểm = tổng số điểm đạt/điểm chuẩn của đơn vị (theo chức năng, nhiệm vụ được giao) x100%.*

*Ví dụ: điểm chuẩn của đơn vị theo chức năng nhiệm vụ là 96 (không có nhiệm vụ kiểm dịch y tế ), chấm điểm về công tác quản lý điều hành đạt 35/35; chấm điểm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đạt 58/62 thì cách tính điểm như sau: tổng số điểm đạt là 35+58=93; kết quả chấm điểm = (93:97)x100% = 95,87/100 điểm.*

 *- Đối với các đơn vị thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Bảng kiểm tra (theo Thông tư số 26) và được Sở Y tế giao thêm chức năng nhiệm vụ khác thì tùy vào nhiệm vụ được giao thêm Sở Y tế tự xây dựng tiêu chí đánh giá chấm điểm nhưng điểm chuẩn không vượt quá 110 điểm (cách tính kết quả như đã nêu trên).*

Kết quả kiểm tra: (Theo hướng dẫn ban hành kèm Quyết định số 6326/QĐ-BYT ngày 24/10/2016)

* Điểm chuẩn của đơn vị (A+B):
* Điểm đơn vị tự chấm (A+B):
* Điểm kiểm tra (A+B): Tỷ lệ phần trăm đạt:…………..%
* Xếp loại: Gỏi Khá Trung bình Yếu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thư ký đoàn kiểm tra** | **Trưởng đoàn kiểm tra** | **Thủ trưởng đơn vị được kiểm tra***(ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 1.1**

**(Năng lực xét nghiệm Trung tâm CDC tỉnh ban hành kèm QĐ /QĐ-BYT, ngày / /2018)**

**Danh mục xét nghiệm bắt buộc**

| **STT** | **Danh mục** |
| --- | --- |
| **I** | **CÁC KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN VI SINH VẬT GÂY BỆNH** |
| **1.1** | **VI KHUẨN** |
|  | Nuôi cấy phân lập *Salmonella* |
|  | Nuôi cấy phân lập *Shigella* |
|  | Nuôi cấy phân lập *E.coli* |
|  | Nuôi cấy phân lập *V.cholerae* |
|  | Nuôi cấy phân lập *S.aureus* |
|  | Pha chế môi trường nuôi cấy *Salmonella* |
|  | Pha chế môi trường nuôi cấy *Shigella* |
|  | Pha chế môi trường nuôi cấy *E.coli* |
|  | Pha chế môi trường nuôi cấy *V.cholerae* |
|  | Quy trình lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển mẫu bệnh phẩm |
|  | Quy trình Nuôi cấy, phân lập và định danh *Yersinia pestis* từ bệnh phẩm |
|  | Mycobacterium leprae nhuộm soi (AFB) |
|  | Treponema pallidum RPR |
|  | Nesseria gonorrhoeae nhuộm soi |
| **1.2** | **VI RÚT** |
|  | Chẩn đoán Sốt xuất huyết:- MAC-ELISA- Phát hiện nhanh |
|  | ELISA vi rút Viêm não Nhật Bản |
|  | ELISA vi rút Sởi |
|  | ELISA virút Viêmgan B (thay thế bằng định lượng RT- PCR) |
|  | Xét nghiệm HIV Ab test nhanh |
|  | Xét nghiệm khẳng định HIV |
|  | Anti. HCV |
|  | Anti. HAV |
| **1.3** | **CÔN TRÙNG VÀ KÝ SINH TRÙNG** |
|  | Kỹ thuật định loại muỗi |
|  | Kỹ thuật định loại bọ gậy |
|  | Lấy lam giọt dày và nhuộm Giemsa phát hiện ký sinh trùng Sốt rét  |
|  | Lấy lam giọt mỏng và nhuộm Giemsa phát hiện ký sinh trùng Sốt rét  |
|  | Kỹ thuật Soi KHV phát hiện ký sinh trùng Sốt rét |
|  | Xét nghiệm nấm da |
|  | Cái ghẻ |
|  | Demodex |
|  | Vi nấm soi tươi |
|  | Vi nấm nhuộm soi |
|  | Trichomonas vaginalis soi tươi |
|  | Trichomonas vaginalis nhuộm soi |
| **II** | **CÁC XÉT NGHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG** |
| **2.1** | **Xét nghiệm nước** |
|  | Phát hiện và định lượng tổng số coliforms/ Fecal coliform/E.coli trong nước bằng Phương pháp MPN theo TCVN 6187-2:1996 |
|  | Phát hiện và định lượng tổng số Coliforms trong nước bằng Phương pháp MPN theo TCVN 6187-2:1996 |
|  | Phát hiện và định lượng tổng số Fecal coliform trong nước bằng Phương pháp MPN theo TCVN 6187-2:1996 |
|  | Phát hiện và định lượng tổng số E.coli trong nước bằng Phương pháp MPN theo TCVN 6187-2:1996 |
|  | Nuôi cấy và xác định vi khuẩn hiếu khí |
|  | Phát hiện và đếm bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite bằng Phương pháp thạch ống theo TCVN 6191-1:1996 |
|  | Phát hiện và định lượng tổng số coliforms/ Fecal coliform/E.coli trong nước bằng Phương pháp màng lọc theo TCVN 6187-1:2009 |
|  | Phát hiện và định lượng tổng số Coliforms trong nước bằng Phương pháp màng lọc theo TCVN 6187-1:2009 |
|  | Phát hiện và định lượng tổng số Fecal coliform trong nước bằng Phương pháp màng lọc theo TCVN 6187-1:2009 |
|  | Phát hiện và định lượng tổng số E.coli trong nước bằng Phương pháp màng lọc theo TCVN 6187-1:2009 |
|  | Phát hiện và đếm bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite bằng Phương pháp màng lọc theo TCVN 6191-2:1996 |
|  | Định lượng *Pseudomonas aeruginosa* bằng phương pháp màng lọc theo TCVN 8881:2011. |
|  | Định lượng *Streptococcus faecalis* bằng phương pháp màng lọc theo TCVN 6189-2:2009. |
|  | Độ màu  |
|  | Mùi; vị  |
|  | Độ đục  |
|  | Độ pH  |
|  | Độ cứng, tính theo CaCO3 |
|  | Clorua  |
|  | Hàm lượng Sắt  |
|  | Hàm lượng mangan tổng số  |
|  | Hàm lượng Nitrat (NO3-)  |
|  | Hàm lượng Nitrit (NO2-)  |
|  | Hàm lượng Sulfat (SO42-)  |
|  | Chỉ số Pecmanganat  |
|  | Hàm lượng Clo tự do |
|  | Tổng chất rắn hòa tan (TDS) |
|  | Hàm lượng Chì  |
|  | Hàm lượng Asen  |
|  | Hàm lượng Thủy ngân  |
|  | Chất rắn lơ lửng |
|  | Amoniac (NH4+) |
|  | Clo thừa (clo dư) |
| **2.2** | **Xét nghiệm không khí** |
|  | Nấm mốc |
|  | Tổng số vi khuẩn hiếu khí |
|  | Amonium (NH3) |
|  | Carbon monoxide (CO) |
|  | Carbon dioxide (CO2) |
|  | Sulfur dioxide (SO2) |
|  | Nitrogen dioxide (NO2) |
|  | Hydrogen sulfide (H2S) |
|  | Hơi kiềm |
|  | Xăng |
|  | A xit chloride (HCl) |
|  | A xit Sulfuric (H2SO4) |
|  | Đo bụi toàn phần, hô hấp |
| **III** | **XÉT NGHIỆM PHỤC VỤ KHÁM SỨC KHỎE, BỆNH NGHỀ NGHIỆP VÀ TƯ VẤN DINH DƯỠNG** |
| **3.1** | **Xét nghiệm sinh hóa-huyết học, chẩn đoán hình ảnh phục vụ khám sức khỏe (Chỉ yêu cầu với các TT đã có Pk tư vấn/đa khoa)** |
|  | Xét nghiệm huyết học  |
|  | Glucose |
|  | Urê, creatinnin |
|  | GOT, GPT |
|  | Cholesterol; Triglycerid; HDL-C; LDL-C |
|  | Protein toàn phần |
|  | Test nhanh HIV, HbsAg |
|  | Xét nghiệm nước tiểu |
|  | Siêu âm: ổ bụng, phần phụ |
|  | Chụp X quang tim phổi |
| **3.2** | **Xét nghiệm khác** |
|  | Thử nghiệm áp bì (Patch test) |
|  | Thử nghiệm lẩy da (Prick test) |
|  | Đo liều sinh học (Biodose test) |
|  | Thử nghiệm khả năng trung hòa kiềm của da |
|  | Đo sức nghe |
|  | Đo chức năng hô hấp |
|  | Chụp X quang bụi phổi. |
|  | Chụp X quang cột sống thắt lưng thẳng/nghiêng |
|  | Chụp X quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng. |
|  | Chụp X quang khớp cổ tay |
| **3.3** | **Xét nghiệm hóa sinh tư vấn dinh dưỡng** |
|  | Canxi toàn phần, canxi ion |
| **IV** | **XÉT NGHIỆM LÝ HÓA THỰC PHẨM** |
| **4.1** | **Thành phần dinh dưỡng** |
|  | Xác định hàm lượng protein. Phương pháp Kjeldahl |
|  | Xác định hàm lượng carbonhydrat. Phương pháp bertrans |
|  | Xác định hàm lượng lipid. Phương pháp soxhlet |
|  | Xác định hàm lượng đường tổng. Phương pháp Lane-Eynon hoặc Bert trand |
|  | Xác định hàm lượng acid (độ acid) |
|  | Xác định hàm lượng tro tổng |
|  | Xác định hàm lượng muối |
|  | Xác định hàm lượng ethanol |
|  | Fufurol |
|  | Methanol |
|  | Aldehyde |
|  | Xác định hàm lượng nước  |
|  | Xác định hàm lượng nito ammoniac |
|  | Xác định hàm lượng nito focmon |
|  | Hàm lượng I ốt  |
| **4.2** | **Các chỉ tiêu hóa lý cơ bản** |
|  | Định tính kiềm dư |
|  | Xác định hàm lượng cát sạn |
|  | Xác định hàm lượng CO2 trong đồ uống có ga |
|  | Xác định hàm lượng chất không tan |
|  | Đong đo thể tích và xác định khối lượng viên, gói |
|  | Hàm lượng chất rắn hoà tan |
|  | Xác định hàm lượng clo dư Phương pháp chuẩn độ |
|  | Xác định hàm lượng cacbonat và bicacbonat. Phương pháp chuẩn độ |
|  | Xác định pH ở 20 độ |
|  | Xác định chỉ số peroxit |
|  | Xác định chỉ số iot |
|  | Xác định clorua |
|  | Độ ẩm |
|  | Độ mặn |
|  | Phản ứng Kriess |
|  | Hàm lượng phụ gia thực phẩm nhóm chất bảo quản |
|  | Hàm lượng phụ gia thực phẩm nhóm chất tạo ngọt |
|  | Hàm lượng phụ gia thực phẩm nhóm phẩm màu |
| **4.3** | **Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến** |
|  | Xác định nitrat- Phương pháp UV-VIS |
|  | Xác định nitrit- Phương pháp UV-VIS |
| **4.4** | **Kim loại và vi khoáng** |
|  | Xác định chỉ số permanganate |
|  | Xác định độ cứng |
| **4.5** | **Phân tích các độc tố tự nhiên, độc tố vi sinh vật, độc tố vi nấm và hóa chất độc hại trong chế biến, kháng thể** |
|  | Định tính Focmon bằng test thử nhanh hoặc phương pháp khác |
|  | Định tính hàn the bằng test thử nhanh hoặc phương pháp khác |
|  | Định tính axit vô cơ bằng test thử nhanh hoặc phương pháp khác |
|  | Định tính phẩm màu kiềm hoặc phương pháp khác |
| **4.6** | **Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong thực phẩm** |
|  | Phương pháp xác định số lượng nhỏ *Bacillus cereus* giả định số - Phương pháp phát hiện và kỹ thuật tính số có xác suất lớn nhất |
|  | Phương pháp phát hiện và định lượng *coliforms*  |
|  | Phương pháp phát hiện và định lượng *E.coli* giả định. Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất |
|  | Phát hiện *Listeria monocytogen* |
|  | Phương pháp định lượng *Staphylococci* có phản ứng dương tính với coagulase (*Staphylococcus aureus* và các loài khác) trên đĩa thạch –Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker |
|  | Phát hiện *Salmonella* |
|  | Phương pháp phát hiện *Salmonella* trên đĩa thạch |
|  | Phương pháp định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch – kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 300C |
|  | Phương pháp xác định tổng số vi khuẩn hiếu khí |

**Phụ lục 1.2**

**(Năng lực xét nghiệm Trung tâm CDC tỉnh ban hành kèm QĐ /QĐ-BYT, ngày / /2018)**

**Danh mục xét nghiệm tự chọn**

| **STT** | **Danh mục** |
| --- | --- |
| **I** | **CÁC KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN VI SINH VẬT GÂY BỆNH** |
| **1.1** | **VI KHUẨN** |
| **1.2** | **VI RÚT** |
|  | Xét nghiệm HIV kỹ thuật đơn giản, nhanh theo quy định |
|  | ELISA HIV hoặc hóa/điện hóa phát quang HIV |
| **1.3** | **NẤM, ĐƠN BÀO** |
| **1.4** | **CÔN TRÙNG VÀ KÝ SINH TRÙNG** |
|  | Kỹ thuật định loại ve, mò, mạt |
|  | Kỹ thuật định loại chấy rận |
|  | Kỹ thuật định loại bọ chét |
|  | Thử tính tính nhạy cảm của muỗi với hóa chất diệt muỗi |
|  | Thử tính tính nhạy cảm của muỗi với hóa chất diệt côn trùng |
|  | Kỹ thuật test nhanh phát hiện ký sinh trùng Sốt rét (theo bộ kít) |
| **II** | **CÁC XÉT NGHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG** |
| 2.1 | **Xét nghiệm nước** |
|  | Hàm lượng Thủy ngân  |
| 2.2 | **Xét nghiệm không khí** |
|  | Cầu khuẩn tan máu |
|  | Chlorin (Cl2) |
|  | Mangan (Mn) |
|  | Kẽm (Zn) |
| **III** | **XÉT NGHIỆM PHỤC VỤ KHÁM SỨC KHỎE, BỆNH NGHỀ NGHIỆP VÀ TƯ VẤN DINH DƯỠNG** |
| **3.1** | **Xét nghiệm sinh hóa-huyết học, chẩn đoán hình ảnh phục vụ khám sức khỏe (Chỉ yêu cầu với các Trung tâm có Phòng khám tư vấn điều trị dự phòng/phòng khám đa khoa)** |
|  | Acid uric |
| **3.2** | **Xét nghiệm sinh hóa-huyết học bệnh nghề nghiệp** |
|  | Xác định hàm lượng chì máu |
|  | Xác định hàm lượng chì niệu |
| **3.3** | **Xét nghiệm hóa sinh tư vấn dinh dưỡng** |
| **IV** | **XÉT NGHIỆM LÝ HÓA THỰC PHẨM** |
| **4.1** | **Các chỉ tiêu hóa lý cơ bản** |
|  | Xác định chỉ số khúc xạ |
|  | Xác định tỷ trọng |
|  | Xác định hàm lượng chất khô, độ brix |
| **4.2** | **Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến** |
|  | Xác định hàm lượng natri glutamate. Phương pháp chuẩn độ |
| **4.3** | **Kim loại và vi khoáng** |
|  | Xác định As bằng quang phổ hấp thụ nguyên tử. Phương pháp hydrua hóa (HVG – AAS)  |
|  | Xác định Cu bằng quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F – AAS) |
|  | Xác định Fe. Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F – AAS) |
|  | Xác định Zn. Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F – AAS) |
|  | Xác định Hg bằng AAS |
|  | Xác định Cd bằng AAS |
|  | Xác định Pb bằng AAS |
|  | Xác định Mn bằng AAS |
| **4.4** | **Tồn dư hóa chất trong nuôi trồng** |
|  | Định tính Focmon bằng test thử nhanh |
| **4.5** | **Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong thực phẩm** |
| 30. | Định lượng tổng vi sinh vật hiếu khí bằng phương pháp sử dụng đĩa petrifilm |